

Hòa Phát (HPG)

Cập nhật hoạt động kinh doanh tháng 8

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) đã công bố một số tiêu đề đáng chú ý về doanh số tháng 8 của công ty. Dưới đây là một số vấn đề chính đáng lưu ý.

Doanh số nội địa ấn tượng trong tháng 8

- Tổng sản lượng tiêu thụ thép tháng 8 đạt 712,811 tấn, tăng 16.5% n/n, 18.6% t/t nhờ vào sản lượng thép xây dựng ấn tượng.
- Sản lượng thép xây dựng tăng lên 386,990 tấn, +44.1% n/n, +3.8% t/t. Trong đó, sản lượng tiêu thụ nội địa tăng đáng kể lên 292,593 tấn (+70.6% n/n, +29.5% t/t).
- Sản lượng tiêu thụ thép tôn (28,623 tấn) giảm 5.1% so với cùng kỳ nhưng tăng 60.8% t/t trong khi sản lượng tiêu thụ ống thép (63,687 tấn) tăng 61% so với cùng kỳ, 5% so với tháng trước.
- Sản lượng tiêu thụ thép cuộn (HRC) là 233,511 tấn (+55.8% t/t, -14.6% n/n).
- Tổng sản lượng tiêu thụ nội địa tháng 8 tăng 23.5% so với cùng kỳ, 34.5% so với tháng trước đạt 601,649 tấn.

Xuất khẩu là động lực tăng trưởng cho 8 tháng 2022

- Tổng sản lượng tiêu thụ thành phẩm 8 tháng đầu năm đạt 5,585,626 tấn, +13.7% n/n nhờ thép xây dựng tăng trưởng mạnh 23.9% n/n lên 3,060,238 tấn.
- Tổng sản lượng xuất khẩu 8 tháng đầu năm (1,084,128 tấn) tăng 56.2% so với cùng kỳ trong khi sản lượng tiêu thụ nội địa (4,501,498 tấn) tăng 6.7% so với cùng kỳ.

Hành động: Lợi nhuận đang được xem xét lại

- Thị giá HPG đã giảm 32.4% trong 6 tháng qua cùng với sự sụt giảm của thị trường. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo của mình khi yếu tố tăng trưởng nhu cầu chậm hơn mong đợi.

	2020A	2021A	2022F	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ đồng)	90,119	149,680	179,232	171,671	203,104
Tăng trưởng (% n/n)	41.6	66.1	19.7	(4.2)	18.3
LN hoạt động (tỷ đồng)	17,123	37,664	37,589	35,943	40,455
LN ròng (tỷ đồng)	13,450	34,478	33,317	30,675	34,114
EPS (đồng)	3,958	7,575	7,404	6,817	7,581
Tăng trưởng (% n/n)	46.2	91.4	(2.3)	(7.9)	11.2
EBITDA (tỷ đồng)	21,899	43,751	43,956	43,709	48,902
PE (x)	6.0	3.1	3.2	3.5	3.1
EV/EBITDA (x)	5.0	2.8	3.2	3.1	2.5
PB (x)	1.3	1.2	0.9	0.7	0.6
ROE (%)	25.2	46.0	31.8	23.2	21.3
Suất sinh lợi cổ tức (%)	1.8	1.6	4.2	4.2	4.2

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ. (*) Dữ liệu TTM

Khuyến nghị **NĂM GIỮ (Duy trì)**

Giá mục tiêu

Lợi nhuận

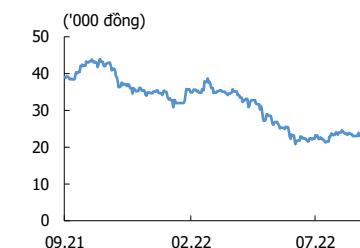
Thông kê

VNIndex (15/09, điểm)	1,246
Giá cp (15/09, đồng)	23,600
Vốn hóa (tỷ đồng)	137,229
SLCP lưu hành (triệu)	5,815
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	43,896/20,800
GTGD TB 6T (tỷ đồng)	670
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	54.3/20.6
Cổ đông lớn (%)	
Trần Đình Long	26.1

Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	(1.7)	(32.4)	(39.6)
Tương đối với VNI (%p)	0.5	(18.9)	(33.4)

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Hải Nguyễn

hai.nt@kisvn.vn

Bảng 1. Tăng trưởng doanh số

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	08/2021	08/2022	t/t (%)	n/n (%)	8T21	8T22	n/n (%)
Ông Thép	39,560	63,687	5.0	61.0	458,867	501,293	9.2
Xuất khẩu	3,240	1,350	(11.2)	(58.3)	21,800	15,921	(27.0)
Nội địa	36,320	62,337	5.5	71.6	437,067	485,372	11.1
Tôn mạ	30,160	28,623	60.8	(5.1)	217,827	215,659	(1.0)
Xuất khẩu	24,579	15,415	180.2	(37.3)	128,947	116,951	(9.3)
Nội địa	5,581	13,208	7.4	136.7	88,880	98,708	11.1
Thép xây dựng	268,497	386,990	3.8	44.1	2,470,567	3,060,238	23.9
Xuất khẩu	96,985	94,397	(35.7)	(2.7)	543,305	915,783	68.6
Nội địa	171,512	292,593	29.5	70.6	1,927,262	2,144,455	11.3
Thép cuộn	273,591	233,511	55.8	(14.6)	1,764,452	1,808,436	2.5
Xuất khẩu	0	0	N.A	N.A	0	35,473	N.A
Nội địa	273,591	233,511	55.8	(14.6)	1,764,452	1,772,963	0.5
Tổng doanh số	611,808	712,811	18.6	16.5	4,911,713	5,585,626	13.7
Xuất khẩu	124,804	111,162	(27.7)	(10.9)	694,052	1,084,128	56.2
Nội địa	487,004	601,649	34.5	23.5	4,217,661	4,501,498	6.7

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Bảng 2. Tăng trưởng sản xuất

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	08/2021	08/2022	t/t (%)	n/n (%)	8T21	8T22	n/n (%)
Ông Thép							
Sản xuất	49,182	60,333	(2.4)	22.7	459,039	483,922	5.4
Tồn kho	0	0	N.A	N.A			
Tôn mạ							
Sản xuất	42,700	23,207	45.2	(45.7)	258,556	225,109	(12.9)
Tồn kho	0	0	N.A	N.A			
Thép xây dựng							
Sản xuất	334,951	345,406	(16.1)	3.1	2,681,469	3,163,701	18.0
Tồn kho	321,990	358,090	(10.4)	11.2			
Thép cuộn							
Sản xuất	211,117	173,508	(22.7)	(17.8)	1,688,307	1,595,988	(5.5)
Tồn kho	33,155	206,431	(22.5)	522.6			
Tổng							
Sản xuất	637,950	602,454	(15.6)	(5.6)	5,087,371	5,468,720	7.5
Tồn kho	355,145	564,521	(15.3)	59.0			

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Tổng quan công ty

Hòa Phát (HPG) là tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam hoạt động trên 5 lĩnh vực kinh doanh chính: Sắt thép; thép tấm & ống thép; bất động sản, nông nghiệp và thiết bị gia dụng.

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020F	2021A	2022F	2023F	2024F
Tài sản ngắn hạn	56,747	94,154	98,203	98,068	131,560
Tiền và tương đương tiền	21,823	40,708	29,288	31,615	51,899
Phải thu	6,125	7,662	9,968	10,159	12,965
Hàng tồn kho	26,287	42,135	54,467	51,831	61,618
Tài sản dài hạn	74,764	84,082	120,490	138,233	145,345
Tài sản cố định	65,562	69,281	69,914	97,148	105,701
Đầu tư tài chính	6,983	10,573	45,583	35,593	33,603
Khác	4,427	7,069	8,583	8,976	10,042
Tổng tài sản	131,511	178,236	218,693	236,301	276,905
Người mua trả trước	1,257	788	1,792	1,717	2,031
Doanh thu chưa thực hiện	51	26	26	26	26
Phải trả người bán	10,916	23,729	27,233	23,559	26,036
Khác	5,926	5,700	5,971	6,187	6,426
Nợ ngắn hạn và TP đến hạn	36,799	43,748	50,748	44,748	51,748
Nợ và TP dài hạn	17,343	13,465	13,365	14,365	15,365
Tổng nợ và phải trả	72,292	87,456	99,135	90,602	101,632
VCSH	59,071	90,625	119,303	145,352	174,822
Vốn điều lệ	33,133	44,729	44,729	44,729	44,729
Thặng dư	3,212	3,212	3,212	3,212	3,212
Quý khác	934	922	955	986	1,020
LN giữ lại	21,792	41,763	70,407	96,425	125,862
Lợi ích cổ đông thiểu số	149	155	255	347	450
Tổng VCSH	59,220	90,780	119,558	145,699	175,272

Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020F	2021A	2022F	2023F	2024F
Doanh thu	90,119	149,680	179,232	171,671	203,104
Giá vốn hàng bán	71,215	108,571	138,058	132,295	158,384
Lợi nhuận gộp	18,904	41,108	41,174	39,376	44,720
Chi phí bán hàng & QLDN	1,781	3,444	3,585	3,434	4,265
LN hoạt động	17,123	37,664	37,589	35,943	40,455
Doanh thu tài chính	1,005	3,071	1,255	1,202	1,422
Thu nhập lãi	519	0	274	182	109
Chi phí tài chính	2,837	3,732	3,047	3,090	3,453
Chi phí lãi vay	2,192	2,526	2,565	2,660	3,356
LN khác	65	48	54	52	61
Lãi (lỗ) từ LD&LK	2	5	5	5	5
LN trước thuế	15,357	37,057	35,855	34,110	38,489
Thuế TNDN	1,851	2,536	2,438	3,343	4,272
LN sau thuế	13,506	34,521	33,417	30,767	34,217
LN ròng cho công ty mẹ	13,450	34,478	33,317	30,675	34,114
EBITDA	21,899	43,751	43,956	43,709	48,902

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020F	2021A	2022F	2023F	2024F
Dòng tiền hoạt động	11,587	27,466	27,889	36,628	31,657
LN ròng	13,506	34,521	33,417	30,767	34,217
Khấu hao và khấu trừ	4,776	6,087	6,367	7,767	8,447
Tăng vốn lưu động ròng	(6,695)	(13,142)	(11,895)	(1,906)	(11,007)
Dòng tiền đầu tư	(18,495)	(20,404)	(32,618)	(20,269)	(13,077)
Tài sản cố định	(11,916)	(12,116)	(42,010)	(25,010)	(15,010)
Tăng đầu tư tài chính	(6,579)	(8,288)	9,392	4,741	1,933
Dòng tiền tài chính	16,053.7	1,729.4	2,427.1	(9,472.9)	3,527.1
Tăng vốn chủ	3	11	0	0	0
Tăng nợ	17,471	3,423	6,900	(5,000)	8,000
Chi trả cổ tức	(1,420)	(1,704)	(4,473)	(4,473)	(4,473)
Dòng tiền khác	6	(16)	0	0	0
Tăng tiền mặt	9,146	8,792	(2,302)	6,887	22,107

Chỉ số tài chính

Cuối T12 năm tài chính	2020F	2021A	2022F	2023F	2024F
Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
EPS	3,958	7,575	7,404	6,817	7,581
BPS	17,873	20,296	26,729	32,574	39,185
DPS	428	381	1,000	1,000	1,000
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	41.6	66.1	19.7	(4.2)	18.3
LN hoạt động	75.7	120.0	(0.2)	(4.4)	12.6
LN ròng	78.7	156.3	(3.4)	(7.9)	11.2
EPS	46.2	91.4	(2.3)	(7.9)	11.2
EBITDA	77.5	99.8	0.5	(0.6)	11.9
Khả năng sinh lợi (%)					
Biên LN hoạt động	19.0	25.2	21.0	20.9	19.9
Biên LN ròng	15.0	23.1	18.6	17.9	16.8
Biên EBITDA	24.3	29.2	24.5	25.5	24.1
ROA	11.6	22.3	16.8	13.5	13.3
ROE	25.2	46.0	31.8	23.2	21.3
Suất sinh lợi cổ tức	1.8	1.6	4.2	4.2	4.2
Tỷ lệ chi trả cổ tức	10.8	5.0	13.5	14.7	13.2
Đòn bẩy					
Nợ ròng (Tỷ đồng)	32,319	16,505	34,825	27,497	15,214
Nợ ròng/VCSH (%)	50.0	20.0	30.0	20.0	10.0
Định giá (x)					
PE	6.0	3.1	3.2	3.5	3.1
PB	1.3	1.2	0.9	0.7	0.6
EV/EBITDA	5.0	2.8	3.2	3.1	2.5

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 16/09/2022.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 16/09/2022.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã phát hành chứng quyền có đảm bảo với cổ phiếu Hòa Phát (HPG) và hiện là công ty tạo lập thị trường.

Người thực hiện: Hải Nguyễn

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.